

Bệnh lao phổi là một bệnh truyền nhiễm do vi khuẩn *Mycobacterium tuberculosis* gây ra. Đây là dạng lao phổ biến nhất, ảnh hưởng trực tiếp đến phổi, nhưng vi khuẩn này cũng có thể lây lan sang các bộ phận khác của cơ thể. Lao phổi lây lan chủ yếu qua không khí khi người bệnh ho, hắt hơi, hoặc nói chuyện, và người khác hít phải các hạt chứa vi khuẩn. Triệu Chứng Các triệu chứng của bệnh lao phổi có thể tiến triển từ từ và kéo dài nhiều tuần hoặc thậm chí nhiều tháng. Triệu chứng phổ biến bao gồm: Ho kéo dài: Thường trên 3 tuần, có thể kèm theo máu. Sốt: Thường là sốt nhẹ về chiều hoặc tối. Đổ mồ hôi ban đêm. Giảm cân không rõ nguyên nhân. Mệt mỏi và suy nhược cơ thể. Đau ngực: Có thể đau khi thở hoặc ho. Khó thở hoặc cảm giác hụt hơi. Chẩn Đoán Để chẩn đoán bệnh lao phổi, các phương pháp phổ biến bao gồm: Xét nghiệm đờm: Kiểm tra sự hiện diện của vi khuẩn lao trong mẫu đờm. Chụp X-quang phổi: Để phát hiện các tổn thương trong phổi. Phản ứng Mantoux (Tuberculin Skin Test): Đo lường phản ứng của da đối với một lượng nhỏ protein của vi khuẩn lao được tiêm vào. Xét nghiệm máu (IGRA): Được sử dụng để phát hiện bệnh lao tiềm ẩn. Điều Trị Bệnh lao phổi có thể được điều trị hiệu quả bằng thuốc kháng sinh, thường kéo dài từ 6 đến 9 tháng. Phác đồ điều trị thường bao gồm: Isoniazid (INH), Rifampicin, Pyrazinamide, Ethambutol. Điều quan trọng là bệnh nhân phải tuân thủ đúng liệu trình điều trị để tránh tình trạng kháng thuốc và tái phát bệnh. Phòng Ngừa Phòng ngừa bệnh lao phổi tập trung vào việc: Tiêm phòng BCG: Là loại vaccine giúp ngăn ngừa bệnh lao, thường được tiêm cho trẻ sơ sinh. Phát hiện và điều trị sớm: Điều trị kịp thời những người nhiễm lao để tránh lây lan. Cải thiện điều kiện sống: Thực hiện vệ sinh tốt, cải thiện thông gió và tránh không gian đông đúc. Khi Nào Nên Đi Khám Bác Sĩ? Bạn nên đi khám bác sĩ nếu xuất hiện các triệu chứng sau: Ho kéo dài hơn 3 tuần, đặc biệt nếu ho ra máu. Sốt kéo dài hoặc tái phát, đặc biệt vào buổi chiều hoặc tối. Đổ mồ hôi ban đêm không rõ nguyên nhân. Giảm cân nhanh chóng và không có lý do rõ ràng. Mệt mỏi và suy nhược kéo dài. Những người có tiếp xúc gần với người mắc bệnh lao hoặc có các triệu chứng trên nên đi khám bác sĩ ngay để được chẩn đoán và điều trị kịp thời. Mô Tả Bệnh cúm (Influenza) là một bệnh nhiễm trùng đường hô hấp cấp tính do virus cúm gây ra. Virus cúm có ba loại chính: A, B, và C. Trong đó, virus cúm A và B là nguyên nhân gây ra các đợt dịch cúm theo mùa. Bệnh cúm lây truyền chủ yếu qua các giọt bắn nhỏ từ người bệnh khi họ ho, hắt hơi, hoặc nói chuyện. Cúm có thể dẫn đến các biến chứng nghiêm trọng, đặc biệt là ở người già, trẻ nhỏ, và những người có hệ miễn dịch yếu. Triệu Chứng Các triệu chứng của bệnh cúm thường xuất hiện đột ngột và bao gồm: Sốt cao (thường trên 38°C). Đau đầu dữ dội. Đau cơ và mệt mỏi. Ho khan. Đau họng. Chảy nước mũi hoặc nghẹt mũi. Ớn lạnh. Đau mắt hoặc nhạy cảm với ánh sáng. Ở trẻ em, có thể xuất hiện nôn mửa và tiêu chảy. Chẩn Đoán Chẩn đoán bệnh cúm dựa trên: Triệu chứng lâm sàng: Các triệu chứng điển hình của cúm, đặc biệt là trong mùa cúm, thường đủ để bác sĩ chẩn đoán. Xét nghiệm dịch hô hấp: Lấy mẫu từ họng hoặc mũi để xác định loại virus cúm. Xét nghiệm máu: Trong một số trường hợp, xét nghiệm máu có thể được sử dụng để phát hiện kháng thể chống lại virus cúm. Điều Trị Điều trị cúm chủ yếu nhằm giảm các triệu chứng và hỗ trợ cơ thể trong quá trình hồi phục: Nghỉ ngơi và uống nhiều nước. Thuốc hạ sốt và giảm đau: Như paracetamol hoặc ibuprofen. Thuốc kháng virus: Trong một số trường hợp, đặc biệt là với những người có nguy cơ cao, bác sĩ có thể kê đơn thuốc kháng virus như oseltamivir (Tamiflu) hoặc zanamivir để giảm nhẹ và rút ngắn thời gian bệnh. Phòng Ngừa Tiêm phòng cúm hàng năm: Đây là biện pháp phòng ngừa hiệu quả nhất. Vaccine cúm giúp ngăn ngừa bệnh hoặc giảm nhẹ triệu chứng nếu bị nhiễm. Giữ vệ sinh cá nhân: Rửa tay thường xuyên với xà phòng, sử dụng khẩu trang, và che miệng khi ho hoặc hắt hơi. Tránh tiếp xúc gần với người bị cúm, đặc biệt là trong mùa cúm. Khi Nào Nên Đi Khám Bác Sĩ? Bạn nên đi khám bác sĩ nếu xuất hiện các triệu chứng sau: Sốt cao kéo dài hơn 3 ngày hoặc không giảm dù đã dùng thuốc hạ sốt. Khó thở hoặc đau ngực. Ho ra máu. Mệt mỏi nghiêm trọng hoặc không thể thực hiện các hoạt động hàng ngày. Các triệu chứng trở nên tồi tệ hơn hoặc không cải thiện sau 3-4 ngày. Đặc biệt, những người có nguy cơ cao như người già, trẻ nhỏ, phụ nữ mang thai, và những người mắc bệnh mãn tính nên đi khám bác sĩ ngay khi có dấu hiệu nghi ngờ cúm để được điều trị kịp thời. Mô Tả Bệnh sỏi thận là tình trạng trong đó các khoáng chất và muối trong nước tiểu kết tủa và tạo thành các khối rắn, gọi là sỏi thận. Sỏi thận có thể nhỏ như hạt cát hoặc lớn hơn nhiều. Sỏi có thể di chuyển trong đường tiết niệu, gây ra cơn đau dữ dội, nhiễm trùng, và đôi khi cần phải phẫu thuật để loại bỏ. Triệu Chứng Triệu chứng của sỏi thận có thể không xuất hiện cho đến khi sỏi di chuyển hoặc gây tắc nghẽn trong đường tiết niệu. Các triệu chứng chính bao gồm: Đau lưng dưới hoặc đau bên hông: Đau thường bắt đầu ở vùng lưng hoặc hông và có thể lan xuống bụng dưới hoặc háng. Đau dữ dội: Đau có thể đến từng cơn, thường rất mạnh và đột ngột, đôi khi đau đến mức gây buồn nôn và nôn. Tiểu ra máu: Nước tiểu có thể có màu hồng, đỏ hoặc nâu. Tiểu buốt, tiểu khó: Cảm giác đau hoặc khó chịu khi đi tiểu. Tiểu nhiều lần: Thường xuyên có nhu cầu đi tiểu, nhưng lượng nước tiểu mỗi lần rất ít. Sốt và ớn lạnh: Có thể xảy ra nếu có nhiễm trùng liên quan đến sỏi thận. Chẩn Đoán Chẩn đoán sỏi thận bao gồm

các phương pháp sau: Siêu âm: Được sử dụng để phát hiện sỏi và đánh giá kích thước, vị trí của sỏi trong thận hoặc đường tiết niệu. Chụp X-quang: Để phát hiện sự hiện diện của sỏi, đặc biệt là những sỏi có kích thước lớn. CT scan: Là phương pháp chính xác nhất để xác định vị trí và kích thước của sỏi thận. Xét nghiệm nước tiểu: Để kiểm tra sự hiện diện của máu, vi khuẩn hoặc các tinh thể bất thường trong nước tiểu. Xét nghiệm máu: Để kiểm tra chức năng thận và tìm kiếm các yếu tố nguy cơ hình thành sỏi. Điều Trị Điều trị sỏi thận phụ thuộc vào kích thước, vị trí và thành phần của sỏi, cũng như mức độ nghiêm trọng của triệu chứng. Uống nhiều nước: Giúp làm loãng nước tiểu và có thể giúp sỏi nhỏ thoát ra ngoài một cách tự nhiên. Thuốc giảm đau: Để giảm bớt cơn đau trong khi chờ sỏi thoát ra. Thuốc tán sỏi: Giúp làm giảm kích thước hoặc giúp sỏi thoát ra dễ dàng hơn. Phẫu thuật: Trong trường hợp sỏi quá lớn hoặc gây biến chứng, có thể cần phải can thiệp ngoại khoa, như phẫu thuật nội soi, tán sỏi ngoài cơ thể (ESWL), hoặc phẫu thuật mở. Điều trị nhiễm trùng: Nếu sỏi thận gây nhiễm trùng, sẽ cần dùng kháng sinh.

5. Phòng Ngừa Phòng ngừa sỏi thận tập trung vào việc thay đổi lối sống và chế độ ăn uống. Uống nhiều nước: Đảm bảo uống đủ nước hàng ngày để duy trì lượng nước tiểu đủ để ngăn chặn việc hình thành sỏi. Giảm ăn muối: Hạn chế lượng muối trong chế độ ăn để giảm nguy cơ hình thành sỏi. Kiểm soát protein động vật: Giảm ăn thịt đỏ và các nguồn protein động vật khác có thể giúp giảm nguy cơ sỏi thận. Tránh thực phẩm chứa oxalate cao: Như rau bina, củ cải đường, và chocolate, vì oxalate có thể kết hợp với canxi để tạo thành sỏi. Khi Nào Nên Đi Khám Bác Sĩ? Bạn nên đi khám bác sĩ ngay nếu xuất hiện các triệu chứng sau: Đau lưng hoặc đau bên hông dữ dội: Đặc biệt nếu đau đến mức không thể ngồi yên hoặc tìm thấy tư thế giảm đau. Tiểu ra máu: Nếu nước tiểu có màu hồng, đỏ hoặc nâu. Sốt và ớn lạnh: Đặc biệt nếu kèm theo các triệu chứng khác của sỏi thận, điều này có thể là dấu hiệu của nhiễm trùng. Khó tiểu hoặc đau khi đi tiểu. Buồn nôn và nôn liên tục: Không thể kiểm soát bằng các biện pháp tại nhà. Điều trị kịp thời là cần thiết để tránh các biến chứng nghiêm trọng của bệnh sỏi thận.

Mô Tả Bệnh phong, còn gọi là bệnh hủi hoặc bệnh Hansen, là một bệnh truyền nhiễm mãn tính do vi khuẩn *Mycobacterium leprae* gây ra. Bệnh chủ yếu ảnh hưởng đến da, các dây thần kinh ngoại biên, và niêm mạc đường hô hấp trên. Bệnh phong phát triển chậm, có thể mất đến 20 năm để các triệu chứng xuất hiện sau khi bị nhiễm vi khuẩn. Mặc dù bệnh phong có thể gây tàn phế nghiêm trọng nếu không được điều trị, nhưng nó có thể chữa khỏi hoàn toàn bằng liệu pháp đa thuốc (MDT). Triệu Chứng Các triệu chứng của bệnh phong có thể rất khác nhau, nhưng thường bao gồm: Tổn thương da: Vùng da mất cảm giác, xuất hiện các vết loét, mảng trắng hoặc đỏ không đau, nhưng có thể mất cảm giác nhiệt, đau và xúc giác. Sưng và đau các dây thần kinh: Dẫn đến yếu cơ, đặc biệt là ở bàn tay và bàn chân. Mất cảm giác: Ở các khu vực bị ảnh hưởng, khiến bệnh nhân không nhận ra các vết thương hoặc vết bỏng. Mất lông mày và lông mi. Biến dạng mặt: Do viêm nhiễm kéo dài, gây sưng to và biến dạng các bộ phận trên khuôn mặt. Lở loét ở chân và tay: Do mất cảm giác dẫn đến việc không nhận ra tổn thương.

Chẩn Đoán Chẩn đoán bệnh phong bao gồm các phương pháp sau: Khám lâm sàng: Bác sĩ kiểm tra các tổn thương da và mất cảm giác tại các vùng nghi ngờ. Sinh thiết da: Lấy mẫu da từ vùng bị tổn thương để tìm vi khuẩn *Mycobacterium leprae* dưới kính hiển vi. Xét nghiệm huyết thanh học: Đôi khi được sử dụng để hỗ trợ chẩn đoán, mặc dù không phổ biến.

4. Điều Trị Bệnh phong có thể được điều trị và chữa khỏi hoàn toàn bằng liệu pháp đa thuốc (MDT), thường kéo dài từ 6 tháng đến 2 năm tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của bệnh. Liệu pháp đa thuốc (MDT): Sự kết hợp của các loại thuốc như dapsone, rifampicin, và clofazimine. Điều trị biến chứng: Bao gồm vật lý trị liệu để phục hồi chức năng, phẫu thuật để sửa chữa biến dạng, và chăm sóc da để tránh nhiễm trùng thứ phát. Phòng Ngừa Phòng ngừa bệnh phong chủ yếu dựa vào việc phát hiện sớm và điều trị kịp thời. Phát hiện và điều trị sớm: Làm giảm nguy cơ lây lan và ngăn ngừa tàn phế. Giáo dục cộng đồng: Nhằm giảm kỳ thị và hiểu biết sai lệch về bệnh phong, giúp bệnh nhân tìm kiếm điều trị sớm. Giám sát tiếp xúc: Theo dõi những người có tiếp xúc gần với bệnh nhân phong để phát hiện và điều trị sớm nếu có dấu hiệu bệnh. Khi Nào Nên Đi Khám Bác Sĩ? Bạn nên đi khám bác sĩ nếu xuất hiện các triệu chứng sau: Tổn thương da không đau nhưng không lành sau vài tuần. Mất cảm giác ở các vùng da bị tổn thương. Yếu cơ hoặc giảm khả năng vận động ở bàn tay và bàn chân. Sưng và đau dây thần kinh. Những người có tiếp xúc với bệnh nhân phong hoặc có các triệu chứng nghi ngờ nên được kiểm tra và điều trị sớm để ngăn ngừa bệnh tiến triển và lây lan.

Mô Tả Bệnh tiểu đường, hay đái tháo đường, là một tình trạng mãn tính xảy ra khi cơ thể không thể sản xuất đủ insulin hoặc không sử dụng insulin một cách hiệu quả, dẫn đến mức đường huyết (glucose) cao hơn bình thường. Bệnh tiểu đường được chia thành ba loại chính: tiểu đường type 1, tiểu đường type 2, và tiểu đường thai kỳ. Tiểu đường type 1: Cơ thể không sản xuất insulin do hệ miễn dịch tấn công và phá hủy các tế bào sản xuất insulin trong tuyến tụy. Thường xuất hiện ở người trẻ tuổi, nhưng có thể xảy ra ở mọi độ tuổi. Tiểu đường type 2: Cơ thể sản xuất insulin không đủ hoặc không sử dụng insulin hiệu quả. Đây là

loại tiểu đường phổ biến nhất, thường xuất hiện ở người trưởng thành, đặc biệt là những người thừa cân hoặc có lối sống ít vận động. Tiểu đường thai kỳ: Xảy ra trong quá trình mang thai, khi cơ thể của người mẹ không thể sản xuất đủ insulin cho cả mẹ và thai nhi. Tiểu đường thai kỳ thường biến mất sau khi sinh, nhưng có thể tăng nguy cơ phát triển tiểu đường type 2 sau này. Triệu Chứng Các triệu chứng của bệnh tiểu đường có thể khác nhau tùy thuộc vào loại và mức độ nghiêm trọng của bệnh, bao gồm: Khát nước quá mức. Đi tiểu thường xuyên. Mệt mỏi hoặc cảm giác kiệt sức. Giảm cân không rõ nguyên nhân (đặc biệt là với tiểu đường type 1). Nhìn mờ. Vết thương lâu lành. Nhiễm trùng thường xuyên: Đặc biệt là ở da, nướu, hoặc âm đạo. Chẩn Đoán Chẩn đoán bệnh tiểu đường thường bao gồm: Xét nghiệm đường huyết khi đói: Đo mức đường huyết sau khi nhịn ăn ít nhất 8 giờ. Xét nghiệm đường huyết ngẫu nhiên: Đo mức đường huyết không cần nhịn ăn. Xét nghiệm HbA1c: Đo lường mức đường huyết trung bình trong 2-3 tháng gần nhất. Xét nghiệm dung nạp glucose đường uống (OGTT): Thường dùng để chẩn đoán tiểu đường thai kỳ. Điều Trị Điều trị bệnh tiểu đường tập trung vào việc kiểm soát mức đường huyết trong ngưỡng an toàn để ngăn ngừa biến chứng: Chế độ ăn uống lành mạnh: Giảm carbohydrate, tăng cường rau xanh, trái cây, và thực phẩm giàu chất xơ. Hoạt động thể chất: Thường xuyên tập thể dục để cải thiện việc sử dụng insulin của cơ thể. Thuốc điều trị: Có thể bao gồm insulin (đặc biệt với tiểu đường type 1) hoặc các loại thuốc hạ đường huyết cho tiểu đường type 2. Kiểm soát đường huyết thường xuyên: Sử dụng máy đo đường huyết để theo dõi. Phòng Ngừa Phòng ngừa tiểu đường type 2 và các biến chứng liên quan đến tiểu đường bao gồm: Duy trì cân nặng khỏe mạnh: Thực hiện chế độ ăn uống và tập luyện đều đặn. Chế độ ăn uống lành mạnh: Giảm thiểu thức ăn nhanh, đồ ngọt và thức ăn chế biến sẵn. Tập thể dục thường xuyên: Ít nhất 30 phút mỗi ngày, hầu hết các ngày trong tuần. Kiểm soát huyết áp và cholesterol: Giúp giảm nguy cơ biến chứng liên quan đến tim mạch. Khi Nào Nên Đi Khám Bác Sĩ? Bạn nên đi khám bác sĩ nếu: Khát nước nhiều và đi tiểu thường xuyên, đặc biệt là vào ban đêm. Giảm cân không rõ nguyên nhân. Mệt mỏi kéo dài không rõ lý do. Nhìn mờ hoặc có những thay đổi thị lực khác. Vết thương khó lành hoặc nhiễm trùng da tái diễn. Kiểm tra định kỳ là cần thiết, đặc biệt nếu bạn có các yếu tố nguy cơ như thừa cân, lối sống ít vận động, hoặc có tiền sử gia đình bị tiểu đường. Việc phát hiện sớm và điều trị kịp thời có thể ngăn ngừa hoặc làm chậm các biến chứng nguy hiểm của bệnh.